

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1975; thường trú: 55/9 (số mới 15/11) khu phố A, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Thế B, sinh năm 1971; thường trú: 22/11 khu phố A, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Thế B tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh S (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh B) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52/KH/95, quyển số 01, cấp ngày 18/8/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi sinh con thứ hai thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đặc biệt, thời gian gần đây, mâu thuẫn giữa chị P và anh B càng trầm trọng hơn, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng

nói chung. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị P đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi cách giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh B, vợ chồng không thể sống chung được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thế B.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh B có 02 con chung tên Phạm Kim L, sinh ngày 04/01/1996 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 27/4/1999. Do các con đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Văn bản ngày 01/6/2018, anh Phạm Thế B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống được nên anh đồng ý ly hôn với chị Phụng.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh B có 02 con chung tên Phạm Kim L, sinh ngày 04/01/1996 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 27/4/1999. Do các con đã trưởng thành nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Phạm Thế B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim P yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thế B có địa chỉ tại 22/11 khu phố A, phường D, thị xã D, tỉnh B nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim P và bị đơn anh Phạm Thế B có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Thế B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh S (nay là UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh B) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/KH/95 quyền số 01 ngày 18/8/1995 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị P xác định vợ chồng sống chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp để có tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố gắng chịu đựng, đưa ra nhiều phương án để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng

không mang lại kết quả, do đó, chị P yêu cầu được ly hôn. Điều này, anh Phạm Thế B cũng thừa nhận và đồng ý ly hôn với chị P. Vì vậy, chị P yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị P, anh B có 02 con chung Phạm Kim L, sinh ngày 04/01/1996 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 27/4/1999 đã trưởng thành, chị P và anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P và anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị P và anh B. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là có cơ sở.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim P phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P được ly hôn với anh Phạm Thế B.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Thế B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Thế B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0019007 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND phường Đông Hòa (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền